TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 150/2026/HS-ST
Ngày: 20 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân*:* Ông Bùi Thanh An và ông Ngô Văn Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thể – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 146/2026/TLST – HS ngày 29 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/11/1996; nơi cư trú: Thôn K, xã B, tỉnh Hưng Yên; số CCCD: 034096012259; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Quách Thị H và 01 con sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định số 30/QĐ-TA ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình áp dụng đưa Nguyễn Văn L vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 01 năm 09 tháng từ 05/6/2024 đến 05/3/2026. Nhân thân: Bản án số 19/2017/HSST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn L 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2021, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm tháng 27/7/2017. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2026 đến ngày 03/4/2026 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Đ PC11, Công an tỉnh H. *Được dẫn giải có mặt*.

* *Người chứng kiến*: Ông Tô Văn B, sinh năm 1970 và ông Phạm Văn T1, sinh năm 1971; cùng trú tại thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28/3/2026, Nguyễn Văn L đi xe ôm của một người đàn ông không quen biết từ nhà đến khu vực cầu C thuộc phường T, tỉnh

Hưng Yên thì xuống xe. L bảo người xe ôm đứng đợi để L vào gặp bạn, sau đó L đi bộ vào khu vực chợ Q gặp và mua của một người đàn ông khoảng 45 tuổi, không biết tên, địa chỉ 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy L cất gói ma túy vào túi áo khoác ngoài bên phải đang mặc và đi bộ ra chỗ người xe ôm để lên xe về nhà. Đến 20 giờ 10 phút cùng ngày người xe ôm chở L về đến thôn T, xã N thì L xuống xe và trả tiền xe ôm. Khi L đang đi bộ trên đường trục thôn T, xã N thì tổ công tác Công an xã N, tỉnh Hưng Yên yêu cầu đứng lại kiểm tra vì nghi L có liên quan đến ma túy. Trước sự chứng kiến của ông Tô Văn B và ông Phạm Văn T1, L đã tự giác lấy từ túi áo khoác ngoài bên phải đang mặc ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ, bên trong chứa các chất dạng tinh thể trong suốt và khai nhận đó là ma túy, loại Methamphetamine của L mua về để sử dụng cho bản thân. Sau đó tổ công tác yêu cầu L về trụ sở Công an xã N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và lập biên bản, quản lý niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh H tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn L không phát hiện thu giữ gì.

Kết luận giám định số 834/KL- KTHS ngày 01/4/2026 của Phòng K, Công an tỉnh H kết luận: Vật chứng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,5716 gam.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 99/CT-VKSTT ngày 24/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố Nguyễn Văn L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 - Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tù thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2026. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị về vật chứng và án phí.

Bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng bị cáo đã ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền,trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến đề nghị, khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận: Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 28/3/2026, tại đường trục thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên, tổ công tác Công an xã N phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn L có hành vi cất giấu trái phép tại túi áo khoác ngoài bên phải đang mặc 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,5716 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; Bản kết luận giám định số 834/KL- KTHS ngày 01/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh H; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; Lời khai của những người chứng kiến: ông Tô Văn B và ông Phạm Văn T1, cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm hại quyền quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất gây nghiện. Bị cáo đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Bị cáo có tiền sự khi vừa chấp hành xong thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc vào ngày 05/3/2026 và đã từng bị kết án phải chấp hành hình phạt tù nhưng được xóa án tích. Bị cáo đã biết rõ tác hại của ma túy. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học, bị cáo vừa cai nghiện về đã tiếp tục có hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng. Điều này cho thấy bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, nguy cơ tái phạm cao. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của mình, cao hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên và cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội đồng thời đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo tàng trữ ma tuý với số lượng ít để sử dụng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Nguyễn Văn L khai mua ma tuý của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ tại khu vực chợ Q, phường T, tỉnh Hưng Yên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Điểm a khoản 2 Điều 106; các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2026. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,4072 gam Methamphetamine và toàn bộ phong bì hoàn trả mẫu vật giám định 834/KL- KTHS ngày 01/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh H. *(Có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Hưng Yên).*

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/7/2026.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- Cơ quan điều tra, Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vương